

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 1 (2023-2024)

Lớp học phần: [23400803] - Cầu lông 1 (CCQ2224B)

STT	Thông tin sinh viên						TBTK	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học								
1	2122210113	Nguyễn Ngọc	Anh	29/01/2004	Nữ	CCQ2220D	7,3	V	8,0		7,70		Khá	
2	2122200107	Phan Thị Quỳnh	Anh	22/11/2004	Nữ	CCQ2220D	5,8	V	7,0		6,50		Trung bình	
3	2121270004	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	25/04/2003	Nữ	CCQ2127A	6,0	V	7,0		6,60		Trung bình	
4	2122260005	Nguyễn Mỹ	Chi	16/03/2004	Nữ	CCQ2210K	7,0	V	8,0		7,60		Khá	
5	2122200189	Nguyễn Thanh	Đa	04/02/2004	Nam	CCQ2220F	8,3	V	10,0		9,30		Giỏi	
6	2122240004	Nguyễn Tấn	Đạt	27/08/2000	Nam	CCQ2224A	7,5	V	5,0		6,00		Trung bình	
7	2122260066	Phạm Ngọc Kiều	Diễm	01/06/2004	Nữ	CCQ2226B	7,5	V	7,0		7,20		Khá	
8	2122070006	Trần Huyền	Diệu	16/07/2004	Nữ	CCQ2207A	8,0	V	6,0		6,80		Trung bình	
9	2122100274	Nguyễn Trần Phước	Dung	03/06/2004	Nữ	CCQ2210H	6,3	V	8,0		7,30		Khá	
10	2122240042	Trần Thị Mỹ	Duyên	20/01/2004	Nữ	CCQ2224B	6,8	V	8,0		7,50		Khá	
11	2122170140	Nguyễn Nguyên	Giáp	24/06/2004	Nam	CCQ2217D	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
12	2122100309	Đỗ Thị Thu	Hà	21/01/2004	Nữ	CCQ2210I	6,0	V	7,0		6,60		Trung bình	
13	2122100201	Lê Thị Thu	Hà	29/01/2004	Nữ	CCQ2210F	7,5	V	7,0		7,20		Khá	
14	2122240055	Vô Thị Thu	Hà	23/01/2004	Nữ	CCQ2224B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
15	2122070028	Danh Thái Gia	Hân	13/07/2004	Nữ	CCQ2207A	7,5	V	5,0		6,00		Trung bình	
16	2122240038	Kim Thị Bé	Hiền	01/12/2002	Nữ	CCQ2224B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
17	2122240048	Trần Khánh	Hưng	02/02/2004	Nam	CCQ2224B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
18	2122260049	Ngô Thị Thùy	Hương	10/01/2004	Nữ	CCQ2226B	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
19	2122200203	Tô Thị Thu	Hương	22/12/2003	Nữ	CCQ2220D	7,8	V	6,0		6,70		Trung bình	
20	2122240052	Lê Công	Huy	26/06/1999	Nam	CCQ2224B	7,3	V	5,0		5,90		Trung bình	
21	2122240160	Tô Minh	Huy	29/10/2004	Nam	CCQ2224B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
22	2122070023	Trần Thị Như	Khuyên	16/08/2000	Nữ	CCQ2207A	8,3	V	8,0		8,10		Khá	
23	2122240040	Nguyễn Anh	Kiệt	12/01/2004	Nam	CCQ2224B	7,5	V	7,0		7,20		Khá	
24	2122200128	Huỳnh Thị Xa	Lam	22/06/2004	Nữ	CCQ2220D	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
25	2122120256	Ngô Thị Diệu	Lam	24/11/2004	Nữ	CCQ2212H	6,8	V	9,0		8,10		Khá	
26	2122100312	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Lê	05/03/2004	Nữ	CCQ2210J	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
27	2122070033	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	21/03/2004	Nữ	CCQ2207A	8,8	V	6,0		7,10		Khá	
28	2122100272	Nguyễn Thanh	Long	12/12/2004	Nam	CCQ2210H	8,8	V	8,0		8,30		Khá	
29	2122200200	Lê Thị Kiều	My	25/02/2004	Nữ	CCQ2220C	6,5	V	7,0		6,80		Trung bình	
30	2122260061	Vô Trà	My	26/10/2004	Nữ	CCQ2226B	7,3	V	5,0		5,90		Trung bình	
31	2122200086	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/02/2004	Nữ	CCQ2220C	8,8	V	7,0		7,70		Khá	
32	2122200005	Trần Thị	Nhàn	12/01/2003	Nữ	CCQ2220A	7,5	V	8,0		7,80		Khá	

33	2122240062	Ông Thị Thiên	Nhi	04/10/2004	Nữ	CCQ2224B	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
34	2122070012	Võ Thị Ngọc	Như	25/01/2004	Nữ	CCQ2207A	5,5	V	8,0		7,00		Khá	
35	2122200031	Trần Thị Cẩm	Nhung	30/09/2004	Nữ	CCQ2220A	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
36	2122200014	Dương Hoài Kim	Nương	29/07/2004	Nữ	CCQ2220A	6,0	V	8,0		7,20		Khá	
37	2122070046	Phạm Thị Kiều	Oanh	21/04/2004	Nữ	CCQ2207B	6,8	V	6,0		6,30		Trung bình	
38	2122070034	Hồ Nhật	Quang	28/03/2003	Nam	CCQ2207A	9,8	V	8,0		8,70		Giỏi	
39	2122240156	Đỗ Anh	Quốc	16/10/2002	Nam	CCQ2224B	1,8	V	7,0		4,90		Trung bình yếu	Học lại
40	2122240058	Ngô Nguyễn Thanh	Quyên	29/05/2004	Nữ	CCQ2224B	3,0	V	7,0		5,40		Trung bình yếu	
41	2122240060	Vũ Thị Trúc	Quỳnh	27/10/2004	Nữ	CCQ2224B	6,8	V	5,0		5,70		Trung bình	
42	2122120201	Lê Nhựt	Thành	11/09/2004	Nam	CCQ2212F	8,5	V	8,0		8,20		Khá	
43	2122260011	Hồ Thị Thanh	Thảo	03/03/2004	Nữ	CCQ2226A	7,0	V	6,0		6,40		Trung bình	
44	2122100379	Lê Thị	Thảo	13/07/2004	Nữ	CCQ2210K	6,8	V	8,0		7,50		Khá	
45	2122260053	Nguyễn Ngọc Than	Thảo	06/10/2004	Nữ	CCQ2226B	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
46	2122240053	Nguyễn Phạm Than	Thảo	28/10/2004	Nữ	CCQ2224B	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
47	2122100358	Vũ Thị Mộng	Thơ	04/10/2004	Nữ	CCQ2210J	8,8	V	7,0		7,70		Khá	
48	2122240039	Chu Thị	Thúy	16/11/1998	Nữ	CCQ2224B	6,5	V	8,0		7,40		Khá	
49	2122100243	Vũ Thị Thu	Thủy	19/05/2004	Nữ	CCQ2210G	6,0	V	6,0		6,00		Trung bình	
50	2122240155	Nguyễn Thị Hoài	Tĩnh	10/08/2002	Nữ	CCQ2224B	7,3	V	6,0		6,50		Trung bình	
51	2122200040	Nguyễn Thư	Tĩnh	01/02/2004	Nữ	CCQ2220B	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
52	2122240059	Huỳnh Nguyễn Bảo	Trâm	19/06/2004	Nữ	CCQ2224B	8,5	V	8,0		8,20		Khá	
53	2122120424	Phạm Ngọc	Trâm	08/01/2004	Nữ	CCQ2212M	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
54	2122240035	Hồ Thị Huyền	Trang	24/10/2004	Nữ	CCQ2224B	6,5	V	6,0		6,20		Trung bình	
55	2122200081	Huỳnh Nguyễn Bảo	Trang	19/06/2004	Nữ	CCQ2220C	6,5	V	7,0		6,80		Trung bình	
56	2122100288	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/06/2004	Nữ	CCQ2210I	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
57	2122240205	Lâm Đoàn Quốc	Trí	07/05/2004	Nam	CCQ2224B	5,5	V	7,0		6,40		Trung bình	
58	2122200136	Lưu Ngọc Thiên	Trình	18/12/2004	Nữ	CCQ2220D	7,3	V	10,0		8,90		Giỏi	
59	2121270005	Nông Duyên	Trình	15/03/2003	Nữ	CCQ2127A	5,5	V	8,0		7,00		Khá	
60	2121270020	Võ Thị Thanh	Trúc	14/03/2003	Nữ	CCQ2127A	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
61	2122260054	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/05/2004	Nữ	CCQ2226B	7,3	V	8,0		7,70		Khá	
62	2122260001	Hoàng Thị Thu	Uyên	02/11/2003	Nữ	CCQ2226A	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
63	2122240054	Nguyễn Trần Thảo	Uyên	02/12/2004	Nữ	CCQ2224B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
64	2122200015	Trần Ngọc Phương	Uyên	26/02/2004	Nữ	CCQ2220A	6,8	V	6,0		6,30		Trung bình	
65	2122240158	Nguyễn Thuý	Vân	27/10/2004	Nữ	CCQ2224B	1,8	V	8,0		5,50		Trung bình	
66	2122240047	Nguyễn Thị	Vi	04/08/2003	Nữ	CCQ2224B	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
67	2122070024	Lê Tấn	Vũ	05/02/2003	Nam	CCQ2207A	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
68	2122240037	Võ Tường	Vy	31/01/2004	Nữ	CCQ2224B	6,0	V	6,0		6,00		Trung bình	
69	2122200038	Lê Thị Như	Ý	26/10/2004	Nữ	CCQ2220B	6,3	V	6,0		6,10		Trung bình	
70	2122100238	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	09/06/2003	Nữ	CCQ2210G	6,3	V	8,0		7,30		Khá	

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân